

từng vùng khác nhau, nhằm phát huy hiệu quả phòng hộ lâu dài và tiết kiệm vốn đầu tư.

— Bảo đảm các yêu cầu về quản lý, bảo vệ rừng.

— Tạo mọi điều kiện kết hợp tăng thu nhập trên các khu vực phòng hộ.

c) Các ngành sản xuất trên khu vực có yêu cầu phòng hộ phải thực hiện nghiêm ngặt các quy trình sản xuất bảo đảm hiệu quả phòng hộ.

5. Nguồn vốn đầu tư:

Để thực hiện dự án, cần huy động nhiều nguồn vốn tham gia đầu tư như: tiền nuôi rừng, vốn tự có, vốn liên doanh liên kết, vốn viện trợ và vốn ngân sách Nhà nước. Vốn đầu tư thuộc ngân sách Nhà nước sẽ được bố trí trong chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước hàng năm, trên cơ sở các luận chứng kinh tế — kỹ thuật đã được phê duyệt và chỉ được sử dụng nguồn vốn này vào nhiệm vụ chủ yếu là trồng rừng, khoanh nuôi phục hồi rừng tại các khu vực phòng hộ xung yếu, duy trì và phát triển các loại động vật rừng và xây dựng những cơ sở hạ tầng cần thiết, hạn chế đến mức thấp nhất việc đầu tư xây dựng những công trình ít liên quan trực tiếp đến rừng.

6. Tổ chức thực hiện:

Bộ Lâm nghiệp chịu trách nhiệm:

— Phối hợp với Ủy ban Nhân dân các tỉnh: Tây Ninh, Sông Bé tổ chức chỉ đạo thực hiện dự án theo đúng quy định của Điều lệ về quản lý xây dựng cơ bản và các quy định hiện hành của Nhà nước.

— Chỉ đạo việc lập và tổ chức xét duyệt luận chứng kinh tế — kỹ thuật từng công

trình cụ thể để thực hiện đầu tư kể từ năm 1992 trở đi. Riêng năm 1991 thực hiện đầu tư theo thiết kế được duyệt.

— Nghiên cứu trình Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng quy định chế độ quản lý, sử dụng đất đai canh tác đối với các ngành sản xuất trong khu vực có yêu cầu phòng hộ.

Thời hạn thực hiện đầu tư xây dựng công trình là 10 năm, kể từ năm 1991 đến năm 2000.

Điều 2. — Bộ trưởng các Bộ: Lâm nghiệp, Tài chính, Xây dựng, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Ủy ban Khoa học Nhà nước, Tổng Giám đốc Ngân hàng đầu tư phát triển, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh Tây Ninh, Sông Bé và Thủ trưởng các ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng
Phó Chủ tịch
ĐỒNG SĨ NGUYỄN

QUYẾT ĐỊNH của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 232-CT ngày 30-7-1991 về việc chuyển chế độ thu tiền nuôi rừng sang thu thuế tài nguyên.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Pháp lệnh thuế tài nguyên ngày 30 tháng 3 năm 1990 ban hành kèm theo lệnh số 34-ICT/HBNN8 ngày 9

tháng 4-1990 của Hội đồng Nhà nước và Nghị định số 6-HĐBT ngày 7 tháng 1 năm 1991 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh thuế tài nguyên ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Chuyển chế độ thu tiền nuôi rừng sang thu thuế tài nguyên theo quy định tại Pháp lệnh thuế tài nguyên ngày 30 tháng 3 năm 1990 của Hội đồng Nhà nước và Nghị định số 6-HĐBT ngày 7 tháng 1 năm 1991 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh thuế tài nguyên.

Điều 2. — Thuế tài nguyên áp dụng đối với khai thác sản phẩm rừng tự nhiên.

Điều 3. — Quyết định này thi hành từ 1 tháng 1 năm 1992, những quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 4. — Giao cho Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Lâm nghiệp hướng dẫn thi hành Quyết định này.

Điều 5. — Các Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ Lâm nghiệp, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng

Phó Chủ tịch

VÕ VĂN KIỆT

CÁC BỘ

LIÊN BỘ

**ỦY BAN KHOA HỌC NHÀ NƯỚC —
BỘ VĂN HÓA — THÔNG TIN —
THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

THÔNG TƯ Liên Bộ số 1191-TT/LB

ngày 29-6-1991 quy định về việc quản lý nhãn và quảng cáo sản phẩm, hàng hóa.

Trong thời gian qua, công tác thông tin, quảng cáo sản phẩm, hàng hóa đã có những đóng góp nhất định vào việc thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần của nước ta. Song công tác quảng cáo sản phẩm, hàng hóa và quản lý nhãn (trong đó có vấn đề quản lý in và sử dụng nhãn sản phẩm và nhãn hiệu hàng hóa) đã bộc lộ nhiều thiếu sót: nội dung quảng cáo sản phẩm, hàng hóa thiếu cơ sở pháp lý và tinh khoa học, thậm chí sai lệch về trình độ và mức chất lượng sản phẩm, hàng hóa, gây rối loạn thông tin, làm mất lòng tin của người tiêu dùng đối với chất lượng sản phẩm, hàng hóa; đồng thời tạo nên sự cạnh tranh không lành mạnh trong sản xuất, buôn bán. Việc in và buôn bán nhãn và bao bì đã in sẵn nhãn sản phẩm, nhãn hiệu hàng hóa còn tùy tiện, đã tạo sơ hở cho hàng giả phát triển.

Hiện nay Nhà nước đã ban hành Luật báo chí; Pháp lệnh chất lượng hàng hóa; Nghị định về kiểm tra và xử lý việc sản xuất, buôn bán hàng giả; Bộ Văn hóa — Thông tin — Thể thao và Du